

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định số lượng cán bộ và mức thù lao  
hàng tháng của người trực tiếp chi trả trợ cấp cho các  
đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 24/2010/TTLT-BLĐTĐ-BHXH-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 85/TTr-STC-NS ngày 17 tháng 01 năm 2011,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định số lượng cán bộ và mức thù lao của người trực tiếp chi trả trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng như sau:

1. Số lượng cán bộ trực tiếp chi trả trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) như sau:

- Xã loại I là những xã có từ 100 đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng trở lên và có địa bàn rộng, địa hình phức tạp: 02 người/xã.

- Xã loại II là những xã có dưới 100 đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng và có địa bàn xã không rộng, địa hình không phức tạp: 01 người/xã.

2. Mức chi thù lao:

- Đối với các xã loại I: 300.000 đồng/người/tháng.

- Đối với các xã loại II: 350.000 đồng/người/tháng.

**Điều 2.**

1. Mức thù lao của người trực tiếp chi trả trợ cấp hàng tháng ở cấp xã theo quy định tại Điều 1 của Quyết định này thực hiện từ ngày 01/01/2011.

2. Kinh phí thực hiện: từ nguồn ngân sách địa phương và được cân đối trong dự toán chi ngân sách hàng năm cho các huyện, thành phố để thực hiện chi trả theo quy định tại Điều 1 của Quyết định này. Riêng năm 2011, ngân sách tỉnh sẽ bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thành phố để thực hiện.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra quá trình thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Lâm Đồng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
(Đã ký)

**Huỳnh Đức Hòa**

**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC CHI TRẢ TRỢ CẤP CHO ĐỐI  
TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 13/2010/NĐ-CP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND  
ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)*

TT	Xã, phường, thị trấn	Số lượng cán bộ thực hiện công tác chi trả trợ cấp cho đối tượng BTXH hàng tháng (Người)	
		Đối với xã loại I	Đối với xã loại II
<b>I/ Thành phố Đà Lạt</b>			
1	Phường 1	2	
2	Phường 2	2	
3	Phường 3	2	
4	Phường 4	2	
5	Phường 5	2	
6	Phường 6	2	
7	Phường 7	2	
8	Phường 8	2	
9	Phường 9	2	
10	Phường 10	2	
11	Phường 11	2	
12	Phường 12		1
13	Xã Xuân Thọ	2	
14	Xã Xuân Trường	2	
15	Xã Trạm Hành		1
16	Xã Tà Nung		1
<b>II/ Huyện Lạc Dương</b>			
1	TT Lạc Dương		1
2	Xã Lát		1
3	Xã Đạ Sar	2	
4	Xã Đạ Nhim	2	
5	Xã Đạ Chais	2	
6	Xã Đưng K'Noh	2	
<b>III/ Huyện Đơn Dương</b>			
1	TT D'Ran	2	
2	Xã Lạc Xuân	2	
3	Xã Lạc Lâm	2	
4	TT Thạnh Mỹ	2	
5	Xã Đạ Ròn	2	
6	Xã Ka Đô	2	
7	Xã Quảng Lập		1

TT	Xã, phường, thị trấn	Số lượng cán bộ thực hiện công tác chi trả trợ cấp cho đối tượng BTXH hàng tháng (Người)	
		Đối với xã loại I	Đối với xã loại II
8	Xã P'Róh	2	
9	Xã Ka Đơn	2	
10	Xã Tu Tra	2	
<b>IV/ Huyện Đức Trọng</b>			
1	Xã Hiệp An		1
2	Xã Hiệp Thạnh	2	
3	Xã Liên Lập		1
4	Xã N'Thol Hạ	2	
5	Xã Bình Thạnh		1
6	TT Liên Nghĩa	2	
7	Xã Phú Hội	2	
8	Xã Tân Hội		1
9	Xã Tân Thành		1
10	Xã Ninh Gia		1
11	Xã Tà Hine	2	
12	Xã Ninh Loan	2	
13	Xã Đà Loan	2	
14	Xã Tà Năng	2	
15	Xã Đa Quynh	2	
<b>V/ Huyện Lâm Hà</b>			
1	TT Đinh Văn	2	
2	Xã Tân văn	2	
3	Xã Đạ Đờn	2	
4	Xã Phú Sơn	2	
5	Xã Phi Tô		1
6	TT Nam Ban	2	
7	Xã Nam Hà		1
8	Xã Gia Lâm		1
9	Xã Đông Thanh		1
10	Xã Mê Linh		1
11	Xã Tân Hà		1
12	Xã Liên Hà	2	
13	Xã Đan Phượng		1
14	Xã Hoài Đức	2	
15	Xã Phúc Thọ	2	
16	Xã Tân Thanh	2	
<b>VI/ Huyện Di Linh</b>			
1	Xã Tam Bô	2	
2	Xã Gia Hiệp	2	
TT	Xã, phường, thị trấn	Số lượng cán bộ thực hiện công tác chi trả trợ cấp cho đối tượng BTXH hàng tháng (Người)	

		<b>Đối với xã loại I</b>	<b>Đối với xã loại II</b>
3	TT Đình Lạc	2	
4	Xã Tân Nghĩa		1
5	TT Di Linh	2	
6	Xã Đình Trang Thượng		1
7	Xã Tân Thượng		1
8	Xạ Tân Lâm		1
9	Xã Tân Châu	2	
10	Xã Bảo Thuận		1
11	Xã Gung Réh	2	
12	Xã Gia Bắc		1
13	Xã Sơn Điền		1
14	Xã Liên Đàm	2	
15	Xã Đình Trang Hòa	2	
16	Xã Hòa Trung	2	
17	Xã Hòa Bắc	2	
18	Xã Hòa Nam	2	
19	Xã Hòa Ninh	2	
<b>VII/ Thành phố Bảo Lộc</b>			
1	Phường 1	2	
2	Phường 2	2	
3	Phường Lộc Phát	2	
4	Phường Lộc Tiến	2	
5	Phường Lộc Sơn	2	
6	Xã B'Lao	2	
7	Xã Đạm Bri		1
8	Xã Lộc Châu	2	
9	Xã Lộc Thanh	2	
10	Xã Lộc Nga	2	
11	Xã Đại Lào	2	
<b>VIII/ Huyện Bảo Lâm</b>			
1	Xã Lộc Phú	2	
2	Xã Lộc Quảng	2	
3	Xã Lộc Thành	2	
4	Xã B'Lá	2	
5	Xã Lộc Nam	2	
6	TT Lộc Thắng	2	
7	Xã Lộc Bắc		1
8	Xã Lộc Bảo		1
<b>TT</b>	<b>Xã, phường, thị trấn</b>	<b>Số lượng cán bộ thực hiện công tác chi trả trợ cấp cho đối tượng BTXH hàng tháng (Người)</b>	
		<b>Đối với xã loại I</b>	<b>Đối với xã loại II</b>
9	Xã Lộc Lâm		1

10	Xã Lộc Đức	2	
11	Xã Lộc An	2	
12	Xã Tân Lạc	2	
13	Xã Lộc Tân		1
14	Xã Lộc Ngãi	2	
<b>IX/ Huyện Đam Rông</b>			
1	Xã Đạ K'Nàng	2	
2	Xã Phi Liêng	2	
3	Xã Liêng S'Rôn	2	
4	Xã Rô men	2	
5	Xã Đạ Sral	2	
6	Xã Đạ M'Rông	2	
7	Xã Đạ Tông	2	
8	Xã Đạ Long	2	
<b>X/ Huyện Đạ Huoai</b>			
1	Xã Đoàn Kết	2	
2	Xã Đạ P'Loa	2	
3	TT Đạ M'Ri	2	
4	Xã Đạ M'Ri		1
5	Xã Hà Lâm	2	
6	Xã Phước Lộc	2	
7	TT MaĐaguôi	2	
8	Xã MaĐaguôi	2	
9	Xã Đạ Oai		1
10	Xã Đạ Tồn		1
<b>XI/ Huyện Đạ Tẻh</b>			
1	Xã Đạ Lây	2	
2	Xã Hương Lâm		1
3	Xã An Nhơn	2	
4	TT Đạ Tẻh	2	
5	Xã Đạ Kho	2	
6	Xã Triệu Hải	2	
7	Xã Đạ Pal	2	
8	Xã Quảng Trị	2	
9	Xã Hà Đông		1
10	Xã Mỹ Đức		1
11	Xã Quốc Oai	2	
<b>XII/ Huyện Cát Tiên</b>			
TT	Xã, phường, thị trấn	Số lượng cán bộ thực hiện công tác chi trả trợ cấp cho đối tượng BTXH hàng tháng (Người)	
		Đối với xã loại I	Đối với xã loại II
1	Xã Quảng Ngãi		1
2	Xã Tư Nghĩa	2	
3	Xã Phù Mỹ		1

4	TT Đồng Nai	2	
5	Xã Gia Viễn	2	
6	Xã Đức Phổ	2	
7	Xã Nam Ninh	2	
8	Xã Phước Cát 2	2	
9	Xã Mỹ Lâm	2	
10	Xã Tiên Hoàng	2	
11	Xã Phước Cát 1	2	
12	Xã Đồng Nai Thượng	2	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>218</b>	<b>39</b>

***Ghi chú:***

Tổng số cán bộ làm công tác chi trả trợ cấp cho đối tượng BTXH hàng tháng tại xã: 257 người.

- Đối với xã loại I (109 xã): 218 người
- Đối với xã loại II (39 xã) : 39 người